

Bản án số: 210/2023/HS-ST
Ngày 21-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Biên

2. Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 191/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1970; tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: **Thôn A, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; văn hóa 06/10: con ông: **Nguyễn Văn T** và bà **Vương Thị L** (đều đã chết); có vợ: **Phạm Thị B**, sinh năm 1982; bị cáo chưa có con;

Tiền án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 126 ngày 06/4/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 47 ngày 18/5/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 126 ngày 26/8/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 164 ngày 04/8/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 108 ngày 28/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 94 ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 86 ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; chấp hành xong án phạt tù ngày 25/01/2022.

Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 50 ngày 16/10/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang (nay là thành phố B) xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 109 ngày 08/11/1995, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2023; Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Thị B**, sinh năm 1982; tên gọi khác: Không có; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi ở: Thôn A, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; văn hóa: Không biết chữ; con ông: **Phạm Văn S** và bà **Phạm Thị H** (đều đã chết); có chồng: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1970; có 01 con sinh năm 2004.

Tiền án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 275 ngày 29/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; chưa chấp hành phạt bổ sung và án phí.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 33 ngày 17/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; phạm tội thuộc trường hợp tái phạm; chấp hành xong án phạt tù ngày 20/9/2022.

Tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 03/3/2001 bị **Công an huyện V**, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 180 ngày 26/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2023; Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Vũ Thị M**, sinh năm 1991; tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: **Thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; văn hóa 11/12: con ông: **Vũ Đình H1**, sinh năm 1962 (đã chết); con bà: **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1962; có chồng: **Nghiêm Đình T1**, sinh năm 1982 (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 56 ngày 27/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2022.

Nhân thân:

+ Bản án số 82/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh B** trong vụ án khác; Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Đình C2**, sinh năm 1985; tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: **Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; văn hóa 12/12: con ông: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1960; con bà: **Trần Thị H2**, sinh năm 1962; có vợ: **Vũ Thị H3**, sinh năm 1985; có 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Năm 2014 bị **Công an thành phố H** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

+ Năm 2015 bị **Công an huyện Y**, tỉnh Bắc Ninh xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh B**; Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1989; tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: **Số nhà B, đường Q, tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; văn hóa 12/12: con ông: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1960; con bà: **Chu Thị H4**, sinh năm 1964.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 59 ngày 12/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”, đã được xóa án tích.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1969; tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: **Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; văn hóa 10/12: bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 1989 đến 1991; con ông: **Nguyễn Văn H5** và bà **Nguyễn Thị S1** (đều đã chết); có vợ: **Nguyễn Thị H6**, sinh năm 1972; Có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 150 ngày 29/10/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phạt tù ngày 31/8/2017; đã chấp hành xong các quyết định của bản án và được xóa án tích.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **Đào Văn H7**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đông Lý, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Anh **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Mỹ 1, phường Đình Kê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Ông **Đỗ Đức T2**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 2, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

4. Ông **Phạm Văn L1**, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Nguộn, xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

5. Ông **Trần Văn H8**, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phúc Bé, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

6. Ông **Thân Đức P**, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phúc Hạ, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

7. Ông **Nguyễn Hồng N1**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 55, đường Đặng Thị Nho, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

8. Chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 174, làn 3, đường Thân Nhân Trung, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

9. Chị **Chu Thị H4**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Xóm N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang**

10. Anh **Nguyễn Quang D2**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của **Nguyễn Văn C** và **Phạm Thị B**:

Vợ chồng **Nguyễn Văn C** và **Phạm Thị B** đều sử dụng ma túy và mua ma túy rồi bán lại cho người khác. Ngày 27/02/2023, **C** mua của **Vũ Thị M** 17 triệu đồng ma túy, loại heroin. Ngày 13/3/2023, **C** mua của **Nguyễn Đình C2** 30 triệu đồng ma túy, loại heroin và ma túy tổng hợp. **C** đem số ma túy này về nhà rồi chia thành các gói nhỏ vừa để sử dụng vừa bán cho người người khác. Kết quả điều tra xác định **C** và **B** đã bán ma túy trong những ngày sau đây:

Ngày 13/3/2023: Khoảng hơn 07 giờ ngày 13/3/2023, **Thân Đức P**, sinh năm 1956, trú tại **thôn P, xã S, thành phố B** đi xe máy đến nhà **C** mua ma túy. **C** bán cho **P** 01 gói ma túy heroin với giá 100.000 đồng. **P** đã sử dụng hết gói ma túy.

Khoảng hơn 21 giờ cùng ngày, **Trần Văn H8**, sinh năm 1972, trú tại **thôn P, xã S, thành phố B** gọi điện thoại cho **C** bảo bán cho **Trần Văn H8** 01 viên ma túy ngựa và 01 gói ma túy heroin. **H8** bảo **C** giao ma túy cho **H8** tại khu vực bờ ao ở **thôn P, xã S**. **C** đi xe máy ra đưa cho **H8** 01 viên ma túy ngựa và 01 gói ma túy heroin. **H8** đưa cho **C** 200.000 đồng. **H8** tự sử dụng số ma túy này.

Ngày 14/3/2023: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14/3/2023, **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1991, trú tại **tổ dân phố P, phường D, thành phố B** đi xe máy đến nhà **C** để mua ma túy. Khi **D1** đi đến đầu ngõ nhà **C** thì gặp **Đào Văn H7**, sinh năm 1989, trú tại **thôn Đ, xã T, thành phố B** và một thanh niên không quen biết cũng đi xe máy đến nhà **C** đến mua ma túy. **D1** đi vào cổng nhà **C** hỏi mua ma túy. **C** từ trong sân đi ra thì **D1** đưa qua khe cổng 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và nói “để cho em cái”. **C** cầm tiền và lấy 02 gói heroine trong chiếc hộp nhựa màu đen để trong túi quần rồi đưa cho **D1** qua khe cổng. Sau khi **D1** mua ma túy xong đi ra thì nam thanh niên và **H7** cũng đi vào hỏi mua ma túy. Mỗi người đưa cho **C** 100.000 đồng qua khe cổng thì được **C** đưa cho mỗi người 01 gói ma túy heroine. Sau đó, **C** cất giấu chiếc hộp nhựa đựng ma túy để tại vị trí bãi tro đốt rác ở đầu hồi nhà.

Đối với **Đào Văn H7** và **Nguyễn Văn D1** sau khi mua ma túy xong trên đường ra về thì gặp nhau. **D1** hỏi **H7** “có biết chỗ nào sử dụng ma túy không” thì **H7** bảo đi ra khu vực bờ **sông P**. Hai người cùng nhau đi đến khu vực bờ sông thuộc **tổ dân phố số C, phường M, thành phố B** và tự sử dụng ma túy xong thì bị tổ công tác của Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an thành phố B** phát hiện lập biên bản và thu giữ:

- 01 mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng bám dính chất bột màu trắng (là mảnh giấy dùng để gói ma túy H7 vừa sử dụng) được cho vào phong bì ký hiệu “KT1” niêm phong dán kín.

- 02 mảnh giấy bạc đều có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng bám dính chất bột màu trắng (là gói giấy đựng ma túy D1 vừa sử dụng) được cho vào 01 phong bì ký hiệu “KT2” niêm phong dán kín.

Khoảng 09 giờ ngày 14/3/2023, Nguyễn Hồng N1, sinh năm 1975, trú tại số nhà E, đường Đ, phường N, thành phố B đi đến nhà C để mua ma túy. Lúc này, C đang ở trong bếp còn B đứng ở sân nhà. N1 đứng ở cổng gọi thì B đi ra. N1 đưa cho B 100.000 đồng để mua 01 gói ma túy. B cầm tiền và đi ra vị trí bãi tro đốt rác ở đầu hẻm nhà lấy 01 gói ma túy heroine trong hộp nhựa màu đen rồi đi ra cổng đưa cho N1 qua khe cổng. Hồng Ninh mua ma túy xong đi ra ngoài.

Một lúc sau, Đỗ Đức T2, sinh năm 1979, trú tại tổ B, phường M, thành phố B đi xe máy đến nhà C để mua ma túy thì gặp Phạm Văn L1, sinh năm 1976, trú tại thôn N, xã D, thành phố B cũng đi xe máy đến nhà C để mua ma túy. Bấy biết có người đến mua ma túy nên đi ra cổng đến chỗ T2 và L1 hỏi “lấy mấy cái”. T2 nói “cho em một cái” và đưa cho B 100.000 đồng. L1 mua 02 gói ma túy và đưa cho B 200.000 đồng. Bấy lấy 03 gói ma túy heroine từ hộp nhựa ra đưa cho T2 01 gói ma túy và đưa cho L1 02 gói ma túy. Sau đó, B cầm chiếc hộp nhựa màu đen đựng ma túy để tại vị trí bãi tro đốt rác ở đầu hẻm nhà. Đỗ Đức T2 và Phạm Văn L1 sau khi mua ma túy thì cùng nhau đi đến khu vực bờ sông thuộc tổ Đ, phường T, thành phố B và tự sử dụng ma túy xong thì bị tổ công tác của Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phát hiện lập biên bản và thu giữ:

- 02 mảnh giấy bạc đều có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng bám dính chất bột màu trắng ở ngay tại nền đất cạnh chỗ L1 đứng (L1 khai là mảnh giấy để đựng ma túy) được cho vào phong bì ký hiệu “KT3” niêm phong.

- 01 mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng bám dính chất bột màu trắng cạnh chỗ T2 đứng (T2 khai là mảnh giấy đựng ma túy vừa sử dụng) được cho vào phong bì ký hiệu “KT4” niêm phong.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trưng cầu giám định vật chứng nghi chứa chất ma túy đã thu giữ của các đối tượng sử dụng.

Kết luận giám định số 485/KL-KTHS ngày 22/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Trong các phong bì có ký hiệu “KT1”, “KT2”, “KT3”, “KT4” đã được niêm phong gửi giám định đều không tìm thấy chất ma túy.

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 14/3/2023, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của vợ chồng Nguyễn Văn C, Phạm Thị B tại thôn A, xã S, thành phố B đã thu giữ:

- T3 tại túi quần bên phải **Phạm Thị B** đang mặc nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu “Tiền Bẫy 1” (kiểm tra xác định tổng số là 1.300.000 đồng).

- T3 tại ngăn tủ nhựa trong nhà nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu “Tiền Bẫy 2” (kiểm tra xác định tổng số là 1.850.000 đồng).

- 01 hộp nhựa màu trắng có nắp đậy, bên trong đựng nhiều mảnh giấy bạc và 01 chiếc kéo; 01 dao lam; 01 đoạn ống hút nhựa màu tím một đầu cắt vát có bám dính chất bột màu trắng được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu “KX”.

- T3 giữa hai mặt thót gỗ tại vị trí ngoài vườn 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng bên trong đựng 01 gói giấy bạc có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng bên trong đựng chất cục bột màu trắng được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu “KX01”.

- T3 trong ngăn tủ lạnh ở trong nhà 01 chai nhựa có nắp đậy màu trắng bên ngoài có chữ “Number 1” đựng chất lỏng màu hồng được niêm phong.

- Thu tại vị trí bãi tro đốt rác đầu hồi nhà 01 hộp nhựa màu đen bên ngoài có chữ và số; bên trong đựng 12 gói giấy bạc đều có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng bên trong mỗi gói đều đựng chất cục bột màu trắng được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu “KX02”.

- Thu tại ngăn tủ gỗ trong nhà 55 ống nước cát, 59 xi lanh nhựa chưa sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A03s, số Imei 1: 357516641101906, Imei 2: 358193141101908 lắp sim số 0395.294.982 (thu của **Phạm Thị B**).

- Nhiều vỏ túi nilon có rãnh khoá nhựa và viền màu xanh, nhiều ống hút nhựa có màu khác nhau.

Ngày 15/3/2023, Cơ quan CSĐT **Công an thành phố B** đã ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với **Nguyễn Văn C**, **Phạm Thị B** về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra tạm giữ của **C** 01 xe mô tô nhãn hiệu Attina, biển số 98M4 – 4014; số tiền 300.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, lắp sim số 0876.285.121 và số 0387.670.282.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số vật chứng nghi là ma túy đã thu giữ tại nơi ở của vợ chồng **Nguyễn Văn C**, **Phạm Thị B** khi khám xét.

Kết luận giám định số 485/KL-KTHS ngày 22/3/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh B** kết luận:

Trong 01 phong bì ký hiệu “KX” đã được niêm phong gửi giám định:

- Không tìm thấy chất ma túy trên 01 con dao lam được đựng trong 01 túi nilon màu trắng.

- Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trên 01 đoạn ống nhựa màu tím, một đầu cắt vát, không xác định được khối lượng của mẫu.

Trong 01 phong bì ký hiệu “KX01” đã được niêm phong gửi giám định:

Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, được đựng trong 01 gói được gói bằng tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng bên ngoài được quấn bằng dây chun nịt màu vàng là ma túy, có khối lượng 0,042 gam, loại Heroin.

Trong 01 phong bì ký hiệu “KX02” đã được niêm phong gửi giám định:

Chất cục bột màu trắng đựng trong 12 gói giấy bạc đều có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, được đựng trong 01 hộp nhựa màu đen, mặt ngoài có chữ và số là ma túy, có tổng khối lượng 0,541 gam, loại Heroine.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chất lỏng đựng trong chai nhựa có nắp đậy màu trắng bên ngoài có chữ Number 1. Kết luận giám định số 1944/KL-KTHS ngày 27/3/2023 của **V- Bộ C7** kết luận:

Chất lỏng màu hồng gửi giám định là dung dịch Methadone. Thể tích mẫu: 175ml, nồng độ Methadone: 0.85mg/ml. Khối lượng chất Methadone trong 175ml là: 0,148 gam.

Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 14/3/2023 của **Đỗ Đức T2**, **Phạm Văn L1**, **Nguyễn Văn D1**, **Đào Văn H7** dương tính với ma túy **H9**; **Nguyễn Văn C** dương tính với ma túy Herroine, MET; **Phạm Thị B** dương tính với ma túy MET. Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 16/3/2023 của **Nguyễn Hồng N1**, **Thân Đức P**, **Trần Văn H8** đều dương tính với ma túy Herroine.

Trong quá trình điều tra, **Nguyễn Văn C**, **Phạm Thị B** khai nhận thành khẩn hành vi bán trái phép chất ma túy như nêu trên. Ngoài ra, **B** khai còn bán ma túy cho **Thân Đức P**, **Nguyễn Hồng N1** mỗi người 01 gói ma túy heroine với giá 100.000 đồng nhưng **B** không không nhớ thời gian bán ma túy cho những người này.

Ngày 21/3/2023, Cơ quan điều tra cho các bị can **C**, **B** thực nghiệm hành vi bán trái phép chất ma túy vào ngày 14/3/2023. Kết quả **C**, **B** xác định đúng vị trí để ma túy, bán ma túy; thực hiện thuận thực động tác cầm tiền, lấy ma túy ra bán cho các đối tượng như đã khai.

Cơ quan điều tra cho **Nguyễn Văn D1**, **Đào Văn H7** nhận dạng **Nguyễn Văn C** và cho **Đỗ Đức T2**, **Phạm Văn L1** nhận dạng **Phạm Thị B**. Kết quả **D1**, **H7** nhận ra **C** và xác định **C** đã bán ma túy vào ngày 14/3/2023. **T2**, **L1** nhận ra **B** và xác định **B** đã bán ma túy ngày 14/3/2023.

Kiểm tra điện thoại di động của **Nguyễn Hồng N1** lắp sim số 0868.984.075 thấy tại mục danh bạ lưu tên BầySOS có số điện thoại là 0395.294.982 là số điện thoại của **B**.

Kiểm tra điện thoại di động của **Trần Văn H8** lắp sim số 0866.413.904 thấy có nhiều cuộc gọi đi, gọi đến, gọi nhớ đến số 0387.670.282 là số điện thoại của **C**.

Kiểm tra điện thoại di động của **Thân Đức P** lắp sim số 0353.483.156 và số 0868.125.197 thấy tại mục danh bạ lưu tên A0 số điện thoại là 0387.670.282 là số điện thoại của **C**; tại mục lịch sử cuộc gọi có nhiều cuộc gọi đi, gọi đến số 0387.670.282.

Về nguồn gốc số ma túy đã bán cho các đối tượng đến mua ngày 14/3/2023 và số ma túy thu giữ tại nhà **C** khi khám xét. **C** khai mua của **Vũ Thị Mai s** đó bán lại cho một số người khác; số còn lại chưa kịp bán thì bị cơ quan Công an phát hiện thu giữ.

Về số ma túy mà **C** mua của **Nguyễn Đình C2**. Theo **C** khai buổi tối ngày 13/3/2023, **C** bán cho **Trần Văn H8** 01 viên ma túy ngựa và 01 gói ma túy heroin với giá 200.000 đồng. Số ma túy còn lại trong khi để ở trên mặt bàn trong nhà do **C** làm đổ chai nước ra số ma túy đã bị tan hết nên **C** đã vứt bỏ số ma túy này.

Về nguồn gốc chai **M1** đã thu giữ. Theo **C** khai đi uống thuốc Methadone điều trị cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang. **C** uống một phần, còn giữ lại để sử dụng dần. **Công an thành phố B** đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với **Nguyễn Văn D1**, **Đào Văn H7**, **Đỗ Đức T2**, **Phạm Văn L1**, **Nguyễn Hồng N1**, **Trần Văn H8**, **Thân Đức P** có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã bị **Công an thành phố B** quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của **Vũ Thị M**:

Căn cứ lời khai của **Nguyễn Văn C** về việc mua ma túy của **Vũ Thị M**. Ngày 11/4/2023, Cơ quan điều tra lấy lời khai **Vũ Thị M** (thời điểm này **M** đang bị Cơ quan CSĐT **Công an huyện H**, tỉnh Bắc Giang khởi tố và tạm giam về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội tàng trữ trái phép chất ma túy) thì **M** đầu thú và khai nhận bán ma túy cho **C** ngày 27/02/2023. Kết quả điều tra xác định như sau:

Nguyễn Văn C quen biết **Vũ Thị M** từ trước và biết **M** bán ma túy. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 27/02/2023, **C** sử dụng số điện thoại 0387.670.282 gọi đến số điện thoại 0326.194.691 của **M** hỏi mua 17 triệu đồng ma túy, loại Heroine. **M** đồng ý bảo **C** chuyển khoản thanh toán trước và nhắn tin cho **C** biết số tài khoản 1032828507 của **M** mở tại **Ngân hàng V1**. **C** đi đến cửa hàng **Đ** ở ki ốt A, đường Q, phường T, thành phố B gặp chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1982 là chủ cửa hàng. **C** nói với chị **T3** giúp chuyển khoản tiền cho người em thì chị **T3** đồng ý. **C** đưa cho chị **T3** 17 triệu đồng tiền mặt và số tài khoản 1032828507 của **Vũ Thị M** mở tại **Ngân hàng V1**. Chị **T3** chuyển khoản từ số tài khoản 0731000596932 của chị **T3** mở tại **Ngân hàng V1** đến số tài khoản của **M** làm 02 lần (lần thứ nhất 7 triệu đồng, lần thứ hai 10 triệu đồng). **C** trả cho chị **T3** 80.000 đồng phí dịch vụ chuyển tiền. Sau khi nhận được tiền, **M** thuê xe tắc xi (không nhớ của hãng nào và không biết thông tin người lái taxi) đi từ thị trấn T đến khu vực cầu Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Theo **M** khai mua của một người

thanh niên không quen biết 01 túi ma túy Heroine với giá 10 triệu đồng. Sau đó, **M** đi đến chỗ xe taxi đang chờ rồi thuê chở đến nhà **C** thì gặp **C** và **B** có mặt tại nhà. Tại bàn uống nước nhà **C** thì **M** đưa cho **C** túi ma túy này và ngồi chơi một lúc sau đó đi về. **M** khai đã rút số tiền 17 triệu đồng do **C** chuyển đến và sử dụng chi tiêu hết.

Cơ quan điều tra đã thu giữ sao kê số tài khoản 1032828507 của **Vũ Thị M** mở tại **Ngân hàng V1**. Kết quả xác định ngày 27/02/2023, chị **Nguyễn Thị T3** có chuyển khoản đến số tài khoản của **M** 02 lần, lần thứ nhất 7.000.000 đồng, lần thứ hai 10.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đề nghị **Tập đoàn V2** cung cấp lịch sử chi tiết cuộc gọi của số thuê bao 0387.670.282, 0326.194.691 và 0964.624.392. Kết quả số thuê bao 0964.624.392 đăng ký tên của **Vũ Thị M**. Số thuê bao 0387.670.282 đăng ký tên của **Bùi Thị T4**, địa chỉ **tiểu khu H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** (là số điện thoại **C** đang sử dụng để liên lạc); số thuê bao 0326.194.691 đăng ký tên của **Vũ Đình N2**, sinh ngày 07/10/2000 ở **thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang** (là số điện thoại **M** sử dụng để liên lạc); có nhiều cuộc gọi đi và đến giữa số thuê bao 0387.670.282 và 0326.194.691 vào ngày 27/02/2023.

Về nguồn gốc số ma túy mà **Vũ Thị M** đã bán cho **C**. Theo **M** khai mua của một người không quen biết tại khu vực gần **cầu Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh** nên Cơ quan điều tra không làm rõ được.

Đối với chị **Nguyễn Thị T3** được **C** nhờ chuyển tiền qua tài khoản cho **M** nhưng không biết mục đích để mua ma túy; **Vũ Đình N2** cho **Vũ Thị M** mượn căn cước công dân để đăng ký sim số 0326.194.691 nhưng không biết **M** sử dụng để liên lạc mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

3. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của **Nguyễn Văn G, Nguyễn Đình C2, Nguyễn Văn K**:

Nguyễn Văn C khai được **Nguyễn Văn G** giới thiệu và đưa đến gặp **Nguyễn Đình C2**, sinh năm 1985 ở **căn hộ A, chung cư B, thôn Á, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh** để mua ma túy. Ngày 13/3/2023, **C** có mua của **C2** 30 triệu đồng ma túy heroin và ma túy tổng hợp.

Ngày 10/6/2023, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Nguyễn Đình C2** tại **căn hộ A, chung cư B, thôn Á, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh** đã thu giữ:

- **Nguyễn Đình C2** tự lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc giao nộp 01 hộp kim loại màu xanh có nắp đậy bên trong đựng: 01 gói giấy có hai mặt màu trắng bạc đựng mảnh viên nén màu nâu; 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa và viên màu đỏ, bên ngoài được quấn bằng dây chun nịt màu vàng, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng; 03 túi nilon bên ngoài được quấn bằng dây chun nịt màu vàng trong đó 01 túi nilon màu xanh bên trong đựng 03 viên nén màu hồng đỏ; 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa và viên

màu đỏ bên trong đựng chất tinh thể màu trắng và 03 viên nén màu hồng đỏ; 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu đỏ bên trong đựng chất tinh thể màu trắng (được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu KX01).

- **Nguyễn Đình C2** tự lấy từ trong túi quần bên trái đang mặc giao nộp: 01 gói giấy màu trắng được quấn ngoài bằng dây chun nịt màu vàng bên trong có 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu xanh; 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu đỏ, bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng (được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu KX02)

- Thu tại trên mặt kệ trong phòng ngủ của **C2**: 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu đỏ bên trong đựng chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu xanh, bên trong bám dính chất bột màu trắng; 01 túi nilon màu trắng một đầu để hở bên trong đựng mảnh viên nén màu xanh thu giữ tại trên mặt tờ giấy màu trắng (được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu KX03).

- 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng được phát hiện thu giữ tại nền nhà dưới gầm kệ; 01 thẻ cứng phát hiện tại nền nhà cạnh kệ; 01 ống hút được quấn bằng tờ giấy có in chữ “DOLLARS” thu giữ tại ngăn kéo kệ đều ở trong phòng ngủ **Nguyễn Đình C2** (được cho vào thùng bìa cát tông niêm phong).

- 01 hộp giấy màu tím có nắp gấp bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu xanh hoặc viền màu đỏ thu giữ trên mặt kệ tủ trong phòng ngủ của **Nguyễn Đình C2**.

- 01 hộp giấy màu hồng có nắp gấp bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu xanh, nhiều dây chun nịt màu vàng, 01 cuộn giấy bạc, 01 bình thủy tinh đầu có gắn ống hút thu giữ trong ngăn kéo kệ tủ trong phòng ngủ của **Nguyễn Đình C2**.

- 01 điện thoại di động Nokia, số seri 357328080354891 lắp sim số 0969.623.383.

- 01 điện thoại di động **S2** S9+, số Inei: 352402092353491 lắp sim số 0392.225.950.

- 01 ví da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân mang tên **Nguyễn Đình C2** và số tiền 5.000.000 đồng.

- 01 loa ENKOR màu đen; 02 đèn nháy màu trắng

- 01 chiếc kéo; 01 bình khò.

Tại thời điểm Cơ quan điều tra khám xét thì **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1969, trú tại **thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang** và **Chu Thị H4**, sinh năm 1984, trú tại **xóm N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang** có mặt tại nhà **C2**.

Nguyễn Văn K giao nộp 01 điện thoại di động **N3** có số Imei 1: 254456, số Imei 2: 754455 lắp sim số 0339.553.251; số tiền 13.500.000 đồng. **Chu Thị H4** giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro max, lắp sim số 0985.287.297;

01 giấy phép lái xe và 01 căn cước công dân mang tên **Chu Thị H4**; số tiền 1.700.000 đồng; xe mô tô SH biển số 99F1 – 407.54.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số vật chứng nghi là ma túy đã thu giữ tại nơi ở của **Nguyễn Đình C2** khi khám xét.

Bản kết luận giám định số 1100/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh B** kết luận:

Trong 01 phong bì ký hiệu “KX01” đã được niêm phong gửi giám định: Trong 01 hộp kim loại màu xanh có nắp đậy:

- Mảnh viên nén màu được đựng trong 01 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc, là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,128 gam.

- Chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ bên ngoài được quấn bằng dây chun nịt màu vàng là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 6,044 gam.

- 03 túi nilon được quấn ngoài bằng dây chun nịt màu vàng trong đó:

- + 03 viên nén màu hồng đỏ được đựng trong 01 túi màu xanh, một đầu có rãnh khóa nhựa đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,288 gam.

- + Chất tinh thể màu trắng và 03 viên nén màu hồng đỏ được đựng trong 01 túi màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,541 gam.

- + Chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,757 gam.

Trong 01 phong bì ký hiệu “KX02” đã được niêm phong gửi giám định:

Trong 01 gói giấy màu trắng dạng giấy ăn, bên ngoài được quấn bằng dây chun nịt màu vàng:

- Chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa viên màu xanh là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,701 gam

- Chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,737 gam

Trong 01 phong bì ký hiệu “KX03” đã được niêm phong gửi giám định:

- Chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,918 gam

- Chất bột màu trắng bám dính trong 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu xanh là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng mẫu.

- Mảnh viên nén màu xanh được đựng trong 01 túi nilon màu trắng, hai đầu được hàn kín là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,195 gam.

Trong 01 thùng bìa cát tông đã được niêm phong gửi giám định:

Trong 01 túi nilon màu đen được buộc kín:

Chất bột màu trắng bám dính trên 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng; 01 thẻ cứng có chữ “Vietnammobile”; 01 ống hút được quấn bằng tờ giấy có in chữ “DOLLARS 100” cố định bằng 03 vỏ đầu lọc điều thuốc lá đều là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng mẫu.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình C2, Nguyễn Văn G Nguyễn Văn K đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Kết quả điều tra xác định hành vi phạm tội của các bị can như sau.

3.1. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn G và Nguyễn Đình C2 cho Nguyễn Văn C:

Nguyễn Văn G quen biết Nguyễn Đình C2 và Nguyễn Văn C từ trước. G là bạn của Vũ Thị M. G sử dụng điện thoại di động S3 10 lắp sim số 0347.221.102, đến đầu tháng 5/2023 thì G mua máy điện thoại Iphone 13 Pro và chuyển sim số 0347.221.102 sang chiếc điện thoại này để sử dụng.

Khoảng 10 giờ ngày 13/3/2023 khi Nguyễn Văn G đang ở căn hộ A, chung cư B, thôn Á, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh của Nguyễn Đình C2 thì G nhận được điện thoại của Nguyễn Văn C gọi đến nhờ tìm địa điểm mua ma túy. G đã đặt vấn đề với C2 về việc C hỏi mua ma túy nên C2 đồng ý bán. Do vậy, G bảo C đi đến huyện Y, tỉnh Bắc Ninh để mua ma túy.

Sau đó, G gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn H10, sinh năm 1979, trú tại thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang là lái xe taxi bảo đi đến thành phố B đón C sau đó chở đến huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Theo chỉ dẫn của G, anh H10 đi đến đón C rồi đưa đến chung cư B, thôn Á, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Đến nơi, C điện thoại thông báo cho G thì G đi xuống đón C đưa lên căn hộ của C2 còn anh H10 ở lại chờ. C đặt vấn đề với C2 để mua ma túy tổng hợp và H11. C đưa cho C2 30 triệu đồng tiền mặt. C2 khai đi đến khu vực xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh gặp một người tên là B1 đặt vấn đề mua 30 triệu đồng loại ma túy tổng hợp đá, ngựa và H11. B1 đi một lúc sau đó quay lại cho C2 01 túi ni long bên trong đựng 01 túi ma túy Heroine, 01 túi ma túy đá và 01 túi ma túy ngựa. Chữ trả tiền cho B1 rồi cầm túi ma túy trở về nhà đưa cho C. Sau đó, C và G đi xuống bảo anh H10 chở về nhà C. Khi về đến nhà, C đưa cho G 1.900.000 đồng nhờ trả cho M. Trên đường về nhà, G chuyển khoản trả cho C2 2.000.000 đồng là số tiền mà G đã vay của C2 từ trước.

Cơ quan điều tra cho Nguyễn Văn C nhận dạng Nguyễn Văn G và Nguyễn Đình C2 qua ảnh. Kết quả C nhận ra G và C2 đồng thời xác định G đã giới thiệu cho C đến mua ma túy của C2 và C2 đã bán ma túy cho C vào ngày 13/3/2023.

Kiểm tra điện thoại Iphone 13 Pro của Nguyễn Văn G lắp sim số 0347.221.102 có số điện thoại của C 0387.670.282 lưu tên A C3; có số điện thoại của C2 là 0969.623.383 được lưu tên A C4.

Tập đoàn V2 cung cấp lịch sử chi tiết cuộc gọi của số thuê bao 0347.221.102. Kết quả số thuê bao này đăng ký tên Nguyễn Văn G; ngày 13/3/2023 có các cuộc gọi đi và đến của số thuê bao 0387.670.282 của C và số thuê bao 0969.623.383 của C4.

Tiến hành sao kê số tài khoản 0969623383 của Nguyễn Đình C2 mở tại Ngân hàng TMCP Q. Kết quả xác định ngày 13/3/2023, G có chuyển khoản đến số tài khoản của Chữ số tiền 2.000.000 đồng.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ khi khám xét nơi ở của Chữ ngày 10/6/2023 gồm tổng số 0,323 gam MDMA; 7,63 gam Methamphetamine và 2,356 gam Ketamine. Theo C2 khai mua của đối tượng tên là B1 vào khoảng cuối tháng 5/2023 mục đích vừa để sử dụng vừa bán lại cho người khác.

Đối với người đàn ông tên là B1 mà C2 khai đã bán ma túy cho C2 tại khu vực xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh nhưng C2 không biết thông tin và địa chỉ cụ thể của B1 nên Cơ quan điều tra không làm rõ được.

Đối với Nguyễn Văn H10 là lái xe taxi được Nguyễn Văn G thuê chở C từ thành phố B đến Chung cư B, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh sau đó đưa về nhà. Anh H10 không biết việc C và G mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 13 Pro lắp sim số 0347.221.102 của G đã cầm cố cho Nguyễn Quang D2, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang để vay tiền, một tháng sau anh D2 đã bán cho một người không quen biết. Chiếc điện thoại này G mua tháng 5/2023, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ.

3.2 Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Đình C2 và Nguyễn Văn K:

Nguyễn Văn K quen biết Nguyễn Đình C2 từ trước. Chu Thị H4, sinh năm 1984, trú tại xóm N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang là bạn của K. Khoảng 10 giờ ngày 10/6/2023, K đi đến nhà H4 chơi sau đó rủ đi đến huyện Y, tỉnh Bắc Ninh chơi thì H4 đồng ý. Khái điều khiển xe mô tô BKS 99F1-407.54 (là xe của H4) đi đến huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, K điện thoại cho C2 thì biết C2 đang ở căn hộ chung cư nên nói với C2 sẽ đến chơi.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, K rủ và đưa H4 đến căn hộ A, chung cư B, thuộc thôn Á, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh của Nguyễn Đình C2 chơi. Khi gặp nhau, K hỏi C2 “có đồ ngon bỏ ra chơi”. Chữ hiểu ý K bảo C2 bỏ ma túy tổng hợp ra sử dụng. C2 đồng ý và cùng K, H4 đi vào trong phòng ngủ. Lúc này trong phòng C2 đã bật nhạc từ trước. Chữ lấy 02 túi nilon đựng ma túy ketamine và 01 túi nilon đựng 02 viên ma túy tổng hợp kẹo để ra giường. Khái lấy 01 viên ma túy tổng hợp kẹo đưa lên miệng cắn một mảnh để sử dụng, mảnh còn lại thì

K đưa cho H4 sử dụng. Sau đó, K lấy lon nước C5-Cola ở giường để uống mảnh ma túy rồi đưa lon nước cho H4 uống. Chử lấy chiếc kéo cắt viên ma túy tổng hợp còn lại làm hai mảnh, C2 sử dụng một mảnh bằng hình thức uống, mảnh còn lại thì C2 để lại vào túi nilon. Tiếp theo, C2 lấy đĩa sứ màu trắng ở trên mặt kệ trong phòng ngủ để xuống giường rồi lấy bật lửa hơi nóng, đổ 01 túi nilon đựng ma túy ketamin ra đĩa; lấy chiếc thẻ nhựa ở trong ví rồi xào ma túy chia ra làm nhiều đường sau đó đặt đĩa ma túy ở giường. Chử lấy một mảnh giấy hình tờ tiền Dollas quấn thành ống hút cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá sau đó để lên trên đĩa ma túy. Khái lấy đĩa ma túy sử dụng sau đó đưa cho H4 sử dụng bằng hình thức hít vào cơ thể. H4 sử dụng ma túy xong thì để đĩa ma túy xuống giường rồi C2 lấy đĩa ma túy để sử dụng. Sau đó, C2 lấy 02 vỏ túi nilon rồi chia túi ma túy tổng hợp ketamine còn lại ra làm 03 túi. Chử cho 02 túi ma túy vào 01 tờ giấy màu trắng gói lại và quấn ngoài bằng dây chun nịt màu vàng; túi ma túy ketamine và túi nilon đựng mảnh ma túy kẹo còn lại thì C2 để lên một mảnh giấy màu trắng rồi đặt lên trên mặt kệ trong phòng ngủ. Sau khi sử dụng ma túy xong, C2, K, Hà nghỉ tại nhà C2 sau đó bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đến khám xét phát hiện và thu giữ vật chứng.

Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 10/6/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đối với Nguyễn Đình C2, Nguyễn Văn K, Chu Thị H4 đều dương tính với ma túy KET, MET, MDMA.

Kiểm tra điện thoại di động N3 của Nguyễn Đình C2 lắp sim số 0969.623.383; kiểm tra điện thoại Nokia của Nguyễn Văn K lắp sim số 0339.553.251 thấy tại mục lịch sử cuộc gọi của K có gọi đến số điện thoại của C2 vào hồi 12 giờ 08 phút ngày 10/6/2023, mục danh bạ Khái lưu tên “B.n. Chử. đa”.

Ngày 16/6/2023, Cơ quan điều tra cho C2, K thực nghiệm hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại căn hộ của Chử. Kết quả, C2 thực hiện động tác lấy ma túy để trên giường, lấy kéo cắt ma túy kẹo làm 02 phần và sử dụng một phần; lấy đĩa, thẻ cứng, lấy bật lửa hơi nóng đĩa, đổ ma túy ketamin ra đĩa xào, quấn ống hút và sử dụng ma túy. Khái thực hiện động tác lấy viên ma túy kẹo cắn một nửa tự sử dụng và đưa 01 nửa viên ma túy còn lại cho H4 sử dụng, động tác đưa lon nước cho H4 để uống sử dụng ma túy; động tác K tự sử dụng ma túy ketamin rồi đưa cho H4 sử dụng như đã khai.

Đối với Chu Thị H4 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính.

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động Iphone 13 Pro max, lắp sim số 0985.287.297; 01 giấy phép lái xe và 01 căn cước công dân mang tên Chu Thị H4, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển số 99F1 – 407.54 và số tiền 1.700.000 đồng là tài sản của Chu Thị H4 không liên quan đến hành vi phạm tội nên VKSND thành phố Bắc Giang đã trả lại những tài sản trên cho chị H4.

Toàn bộ số vật chứng, đồ vật, tài sản đã tạm giữ được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 206/CT-VKS ngày 19 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo:

- Bị cáo **Nguyễn Văn C**, **Phạm Thị B** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự

- Bị cáo **Vũ Thị M**, **Nguyễn Văn G** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo **Nguyễn Đình C2** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo **Nguyễn Văn K** bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, vi phạm pháp luật. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Văn C** từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

- Bị cáo **Phạm Thị B** từ 8 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng

1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn G** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/6/2023. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

1.3. Áp dụng điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình C2** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về

tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 09 năm đến 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2023. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn K** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2023.

1.5. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Vũ Thị M** từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 11 năm 8 tháng đến 12 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 10 (mười) phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) thùng bìa cát tông niêm phong dán kín; 01 (một) chai nhựa có nắp đậy màu trắng bên ngoài có chữ “Number 1” đựng chất lỏng màu hồng được niêm phong dán kín; 55 (năm năm) ống nước cát, 59 (năm chín) xi lanh nhựa; Nhiều vỏ túi nilon có rãnh khoá nhựa và viền màu xanh, nhiều ống hút nhựa có nhiều màu khác nhau; 01 (một) hộp nhựa màu trắng có nắp đậy, bên trong đựng nhiều mảnh giấy bạc và 01 chiếc kéo; 01 (một) hộp giấy màu tím có nắp gập bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu xanh hoặc viền màu đỏ; 01 (một) hộp giấy màu hồng có nắp gập bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon một đầu có rãnh khoá nhựa và viền màu xanh, nhiều dây chun nịt màu vàng, 01 cuộn giấy bạc, 01 (một) bình thủy tinh đầu có gắn ống hút; 01 (một) bình khò.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 800.000 đồng là tiền **C** và **B** bán ma túy ngày 14/3/2023; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VSMART, số Imei 1: 356744102656546, số Imei 2: 356744102656553, lắp sim số: 0876.285.121 và số 0387.670.282 tạm giữ của **Nguyễn Văn C**; 01 (một) chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy Note 10 tạm giữ của **Nguyễn Văn G**; 01 (một) loa ENKOR màu đen, 02 (hai) đèn nháy màu trắng.

- Truy thu bị cáo **C** số tiền 300.000 đồng là tiền bán ma túy cho **Thân Đức P**, **Trần Văn H8** vào ngày 13/3/2023; truy thu của bị cáo **B** số tiền 200.000 đồng

là tiền bán ma túy cho **Thân Đức P**, **Nguyễn Hồng N1** trước ngày 14/3/2023; truy thu của bị cáo **M** số tiền 7.000.000 đồng là tiền bán ma túy cho bị cáo **C** vào ngày 27/02/2023.

- Trả lại bị cáo **B** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A03s, số Imei 1: 357516641101906, Imei 2: 358193141101908 lắp sim số: 0395.294.982 và số tiền 2.350.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; trả lại bị cáo **C** 01 xe mô tô nhãn hiệu Atina biển kiểm soát 98M4 – 4014, số tiền 300.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại bị cáo **C2** 01 (một) điện thoại di động **N3**, số sêri: 357328080354891 lắp sim số điện thoại: 0969.623.383; 01 (một) điện thoại di động **S2** S9 +, số Imei: 352402092353491 lắp sim số: 0392.225.950; 01 (một) ví da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân mang tên **Nguyễn Đình C2** và số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền Chữ” nhưng tạm giữ điện thoại, tiền để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo **K** 01 (một) chiếc điện thoại di động **N3** có số Imei 1: 254456, số Imei 2: 754455 lắp sim số: 0339.553.251 tạm giữ của **Nguyễn Văn K**; số tiền 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền Khái” nhưng tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại gì. Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai thừa nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp do Công an thành phố B lập ngày 15/3/2023, vật chứng thu giữ và phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Hành vi của các bị cáo còn được chứng minh bằng Kết luận giám định số: 485/KL-KTHS ngày 22/3/2023 của phòng K1 Công an tỉnh B; Kết luận giám định số: 1944/KL-KTHS ngày 27/3/2023 của V Bộ C7 đối với vật chứng thu giữ là ma túy được giám định. Trên cơ sở lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Ngày 27/02/2023, Vũ Thị M mua của người không quen biết 01 túi ma túy heroin với giá 10 triệu đồng sau đó mang đến nhà Nguyễn Văn C ở thôn A, xã S, thành phố B bán cho C với giá 17 triệu đồng. M hưởng lợi 7 triệu đồng. Vợ chồng C đã bán ma túy mua của M cho các đối tượng khác. Cơ quan điều tra đã thu giữ của C số ma túy còn lại chưa kịp bán, kết quả giám định có tổng khối lượng là 0,583 gam, loại heroin.

Ngày 13/3/2023, Nguyễn Văn G đã trực tiếp giới thiệu, thuê xe taxi đến đón và đưa Nguyễn Văn C từ thành phố B đến nhà Nguyễn Đình C2 ở căn hộ A, chung cư B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh để mua ma túy. G đưa C đến gặp C2 để mua ma túy. Nguyễn Văn C đưa cho C2 30 triệu đồng. Chử mua của một người không quen biết 01 túi ma túy heroin và ma túy tổng hợp đem về bán cho Nguyễn Văn C. Sau đó, C đã bán 01 viên ma túy ngựa và 01 gói ma túy heroin; số ma túy còn lại do C làm đổ chai nước ra số ma túy nên đã bị tan hết. Nguyễn Văn G có vai trò đồng phạm giúp sức Chử bán ma túy cho C.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của Nguyễn Đình C2 thu giữ tổng số 0,323 gam MDMA; 7,63 gam Methamphetamine và 2,356 gam Ketamine. Tổng khối lượng các chất ma túy nêu trên là 10,309 gam. C2 khai mua số ma túy này vào khoảng cuối tháng 5/2023 sau đó đem về nhà cất giấu mục đích vừa để sử dụng và vừa bán lại cho người khác.

Ngày 10/6/2023, Nguyễn Đình C2 và Nguyễn Văn K đã cùng nhau tổ chức cho Chu Thị H4 sử dụng trái phép chất ma túy, loại Ketamin, MDMA tại phòng ngủ của C2 ở căn hộ A, chung cư B, thôn Á, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh nên phải chịu trách nhiệm đồng phạm về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Nguyễn Văn C mua ma túy của Vũ Thị M, Nguyễn Đình C2 hết tổng số tiền 47 triệu đồng sau đó chia nhỏ ma túy rồi cùng vợ là Phạm Thị B bán lại cho người khác để thu lợi. Kết quả điều tra xác định ngày 13/3/2023 và ngày 14/3/2023, C đã 5 lần bán ma túy cho các đối tượng Thân Đức P, Trần Văn H8, Nguyễn Văn D1, Đào Văn H7 và một người không quen biết.

Ngày 14/3/2023, **Phạm Thị B** đã 3 lần bán ma túy cho các đối tượng **Nguyễn Hồng N1**, **Đỗ Đức T2**, **Phạm Văn L1**. Trước đó, **B** bán ma túy cho **Thân Đức P**, **Nguyễn Hồng N1**, mỗi người 01 gói ma túy heroine với giá 100.000 đồng nhưng **B** không không nhớ thời gian bán vào ngày nào.

Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của vợ chồng **Nguyễn Văn C** thu giữ tổng số 0,583 gam heroin. **C** khai cất giấu số ma túy trên mục đích vừa để sử dụng và vừa bán lại cho người khác.

Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi mua trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến lĩnh vực quản lý độc quyền của Nhà nước về chất Ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy còn ảnh hưởng đến sức khỏe con người và lan tràn tệ nạn nghiện ma túy.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội:

- Đối với **Nguyễn Văn C**, **Phạm Thị B** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại các điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với **Vũ Thị M**, **Nguyễn Văn G** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với **Nguyễn Đình C2** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với **Nguyễn Văn K** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số 206/CT-VKS ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo **C** có vai trò chính trong vụ án, các bị cáo khác có vai trò đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo **C**, bị cáo **B** bị đưa ra xét xử nhiều lần về nhiều tội, có nhân thân không tốt, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo.

Bị cáo **M** bị đưa ra xét xử nhiều lần về các tội ma túy, có nhân thân không tốt.

Bị cáo **G**, bị cáo **K** cũng đã từng bị đưa ra xét xử, tuy các bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án và được xóa án tích nhưng vẫn thể hiện các bị cáo là người có nhân thân không tốt.

Bị cáo **C2** 2 lần bị xử phạt vi phạm hành chính.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo **C**, **B**, **G**, **K**, **C2** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo **M** có tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo **M**, **C2**, **G**, **K** ra đầu thú, bị cáo **C2** có bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thờ cúng 2 chú là liệt sĩ, bị cáo **K** có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng. Các bị cáo **C**, **B**, **M** đã từng bị đưa ra xét xử nhiều lần; các bị cáo **G**, **K** cũng đã từng bị đưa ra xét xử nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo **C2** phạm hai tội trong cùng một lần xét xử. Ngoài ra hành vi của các bị cáo còn là nguyên nhân gây ra những tội phạm khác trong đời sống gia đình và xã hội nên cần buộc các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời cũng để răn đe, ngăn ngừa các hành vi phạm tội khác. Mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy Kiểm sát viên đề xuất tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp nên áp dụng cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo **C**, **B**, **M**, **C2** phạm tội vì mục đích vụ lợi để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 10 (mười) phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, gồm: Trong 01 phong bì có ký hiệu “KT1” có: 01 (một) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KT2” có: 02 (hai) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KT3” có: 02 (hai) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KT4” có: 01 (một) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KX” có: 01 (một) túi nilon màu trắng, bên trong đựng 01 (một) con dao lam, 01 (một) đoạn ống nhựa màu tím, một đầu cắt vát. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KX01”: Chất cục bột màu trắng là ma túy loại Heroine (**H**), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất còn lại sau giám định 0,032 gam; vỏ bao gói mẫu sau giám định. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KX02”: Chất cục bột màu trắng là ma túy loại Heroine (**H**), có tên khoa học là: Diacetylmorphine,

được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất còn lại sau giám định 0,491 gam. Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “KX01”: Trong 01 (một) hộp kim loại màu xanh có nắp đậy: Mẫu mảnh viên nén màu được đựng trong 01 (một) gói giấy bạc có hai mặt màu trắng bạc, là ma túy, khối lượng 0,094 gam, loại MDMA, được hoàn lại sau giám định; Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ bên ngoài được quấn bằng dây chun nịt màu vàng là ma túy, khối lượng 5,609 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định. 03 (ba) túi nilon được quấn ngoài bằng dây chun nịt màu vàng, trong đó: Mẫu viên nén màu hồng đỏ được đựng trong 01 (một) túi màu xanh, một đầu có rãnh khóa nhựa đều là ma túy, khối lượng 0,187 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định; Mẫu chất tinh thể màu trắng và viên nén màu hồng đỏ được đựng trong 01 (một) túi màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ đều là ma túy, khối lượng 0,383 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định; Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ, là ma túy, khối lượng 0,640 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định. Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “KX02”: Trong 01 (một) gói giấy màu trắng dạng giấy ăn, bên ngoài được quấn bằng dây chun nịt màu vàng: Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu xanh là ma túy, khối lượng 0,628 gam, loại Ketamine, được hoàn lại sau giám định; Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ là ma túy, khối lượng 0,629 gam, loại Ketamine, được hoàn lại sau giám định. Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “KX03”: Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ là ma túy, khối lượng 0,809 gam, loại Ketamine, được hoàn lại sau giám định; 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu; Mẫu mảnh viên nén màu xanh được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, hai đầu được hàn kín là ma túy, khối lượng 0,161 gam, loại MDMA, được hoàn lại sau giám định; 01 chiếc kéo; 01 (một) thùng bìa cát tông niêm phong dán kín; 01 (một) chai nhựa có nắp đậy màu trắng bên ngoài có chữ “Number 1” đựng chất lỏng màu hồng được niêm phong dán kín; 55 (năm năm) ống nước cất, 59 (năm chín) xi lanh nhựa; thu giữ nhiều vỏ túi nilon có rãnh khoá nhựa và viên màu xanh, nhiều ống hút nhựa có nhiều màu khác nhau; 01 (một) hộp giấy màu tím có nắp gấp bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon một đầu có rãnh khóa nhựa và viên màu xanh hoặc viên màu đỏ; 01 (một) hộp giấy màu hồng có nắp gấp bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon một đầu có rãnh khóa nhựa và viên màu xanh, nhiều dây chun nịt màu vàng, 01 cuộn giấy bạc, 01 (một) bình thủy tinh đầu có gắn

ống hút; 01 (một) hộp nhựa màu trắng có nắp đậy, bên trong đựng nhiều mảnh giấy bạc và 01 chiếc kéo; 01 (một) bình khò cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) loa ENKOR màu đen, 02 (hai) đèn nháy màu trắng các bị cáo dùng vào mục đích phạm tội tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 3.150.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền Bẫy 3”; trong đó có 800.000 đồng là tiền bán ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước, số tiền 2.350.000 đồng là tiền riêng của bị cáo **B** trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A03s, số Imei 1: 357516641101906, Imei 2: 358193141101908 lắp sim số điện thoại: 0395.294.982 của **Phạm Thị B** sử dụng liên lạc mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Atina BKS: 98M4 – 4014 của bị cáo **C** không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 300.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền **C** 1” không liên quan đến việc bán ma túy trả lại **C** nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VSMART, số Imei 1: 356744102656546, số Imei 2: 356744102656553, lắp sim số điện thoại 0876.285.121 và số 0387.670.282 của **Nguyễn Văn C** sử dụng liên lạc mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy Note 10 của **Nguyễn Văn G** sử dụng liên lạc mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động **N3**, số seri: 357328080354891 lắp sim số điện thoại: 0969.623.383; 01 (một) điện thoại di động **S2** S9 +, số Inei: 352402092353491 lắp sim số điện thoại: 0392.225.950; 01 (một) ví da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân mang tên **Nguyễn Đình C2**; số tiền 5.000.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền **C2**” trả lại bị cáo **C2** nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động **N3** có số Imei 1: 254456, số Imei 2: 754455 lắp sim số điện thoại: 0339.553.251 của **Nguyễn Văn K**; số tiền 13.500.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền **K**” trả lại bị cáo **K**.

- Truy thu buộc bị cáo **C** nộp lại 300.000 đồng tiền bán ma túy.

- Truy thu buộc bị cáo **B** nộp lại 200.000 đồng tiền bán ma túy.

- Truy thu buộc bị cáo **M** nộp lại 7.000.000 đồng tiền bán ma túy.

[8] Những vấn đề khác có liên quan:

- Đối với **Chu Thị H4** có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã bị **Công an thành phố B** xử phạt vi phạm hành chính.

- Chiếc điện thoại di động Iphone 13 Pro max, lắp sim số 0985.287.297; 01 giấy phép lái xe và 01 căn cước công dân mang tên **Chu Thị H4**, 01 xe mô tô

nhãn hiệu Honda SH biển số 99F1 – 407.54 và số tiền 1.700.000 đồng là tài sản của **Chu Thị H4** không liên quan đến hành vi phạm tội nên VKSND thành phố Bắc Giang đã trả lại những tài sản trên cho chị **H4** là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra, cần tạm giam các bị cáo **Nguyễn Văn C**, **Phạm Thị B**, **Nguyễn Đình C2**, **Nguyễn Văn G**, **Nguyễn Văn K** 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án và áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào điểm b, q khoản 2, 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Nguyễn Văn C**, **Phạm Thị B**;

- Căn cứ vào điểm p khoản 2, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 255 ; Điều 55; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Đình C2**;

- Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Vũ Thị M**;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn G**;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn K**.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về mức hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 09 (**C6**) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Thị B** 08 (**T5**) năm 06 (**S1**) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình C2** 07 (**B**) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước; xử phạt 02 (**H12**) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (**C6**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2023.

- Xử phạt bị cáo **Vũ Thị M** 03 (Ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm 8 (**T5**) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy và 07 (Bảy) năm 6 (**S1**) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại Bản án số 82/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 12 (Mười hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/3/2023 của Bản án số 82/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa .

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn G** 02 (Hai) năm 06 (**S1**) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/6/2023. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 02 (Hai) năm 01 (Một) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/6/2023. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 10 (mười) phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, gồm: Trong 01 phong bì có ký hiệu “KT1” có: 01 (một) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KT2” có: 02 (hai) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KT3” có: 02 (hai) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KT4” có: 01 (một) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KX” có: 01 (một) túi nilon màu trắng, bên trong đựng 01 (một) con dao lam, 01 (một) đoạn ống nhựa màu tím, một đầu cắt vát. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KX01”: Chất cục bột màu trắng là ma túy loại Heroine (**H**), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất còn lại sau giám định 0,032 gam; vỏ bao gói mẫu sau giám định. Trong 01 phong bì có ký hiệu “KX02”: Chất cục bột màu trắng là ma túy loại Heroine (**H**), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất còn lại sau giám định 0,491 gam. Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “KX01”: Trong 01 (một) hộp kim loại màu

xanh có nắp đậy: Mẫu mảnh viên nén màu được đựng trong 01 (một) gói giấy bạc có hai mặt màu trắng bạc, là ma túy, khối lượng 0,094 gam, loại MDMA, được hoàn lại sau giám định; Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ bên ngoài được quấn bằng dây chun nịt màu vàng là ma túy, khối lượng 5,609 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định. 03 (ba) túi nilon được quấn ngoài bằng dây chun nịt màu vàng, trong đó: Mẫu viên nén màu hồng đỏ được đựng trong 01 (một) túi màu xanh, một đầu có rãnh khóa nhựa đều là ma túy, khối lượng 0,187 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định; Mẫu chất tinh thể màu trắng và viên nén màu hồng đỏ được đựng trong 01 (một) túi màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ đều là ma túy, khối lượng 0,383 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định; Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ, là ma túy, khối lượng 0,640 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định. Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “KX02”: Trong 01 (một) gói giấy màu trắng dạng giấy ăn, bên ngoài được quấn bằng dây chun nịt màu vàng: Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu xanh là ma túy, khối lượng 0,628 gam, loại Ketamine, được hoàn lại sau giám định; Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ là ma túy, khối lượng 0,629 gam, loại Ketamine, được hoàn lại sau giám định. Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “KX03”: Mẫu chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ là ma túy, khối lượng 0,809 gam, loại Ketamine, được hoàn lại sau giám định; 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu; Mẫu mảnh viên nén màu xanh được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, hai đầu được hàn kín là ma túy, khối lượng 0,161 gam, loại MDMA, được hoàn lại sau giám định; 01 (một) thùng bìa cát tông niêm phong dán kín; 01 (một) chai nhựa có nắp đậy màu trắng bên ngoài có chữ “Number 1” đựng chất lỏng màu hồng được niêm phong dán kín; 55 (năm năm) ống nước cất, 59 (năm chín) xi lanh nhựa; Thu giữ nhiều vỏ túi nilon có rãnh khóa nhựa và viền màu xanh, nhiều ống hút nhựa có nhiều màu khác nhau; 01 (một) hộp giấy màu tím có nắp gấp bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon một đầu có rãnh khóa nhựa và viền màu xanh hoặc viền màu đỏ; 01 (một) hộp giấy màu hồng có nắp gấp bên trong đựng nhiều vỏ túi nilon một đầu có rãnh khóa nhựa và viền màu xanh, nhiều dây chun nịt màu vàng, 01 cuộn giấy bạc, 01 (một) bình thủy tinh đầu có gắn ống hút; 01 (một) hộp nhựa màu trắng có nắp đậy, bên trong đựng nhiều mảnh giấy bạc và 01 chiếc kéo; 01 (một) bình khô;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 800.000 đồng của bị cáo **B** trong số tiền 3.150.000 đồng thu giữ; 01 (một) loa ENKOR màu đen, 02 (hai) đèn nháy

màu trắng thu của **C2**; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VSMART, số Imei 1: 356744102656546, số Imei 2: 356744102656553, lắp sim số điện thoại 0876.285.121 và số 0387.670.282 của **Nguyễn Văn C**; 01 (một) chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy Note 10 của **Nguyễn Văn G**;

- Trả lại bị cáo **B** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A03s, số Imei 1: 357516641101906, Imei 2: 358193141101908 lắp sim số điện thoại: 0395.294.982; số tiền 2.350.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền Bấy 3” nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại bị cáo **C** 01 xe mô tô nhãn hiệu Atina BKS: 98M4 – 4014; số tiền 300.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền Cường 1” nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại bị cáo **C2**: 01 (một) điện thoại di động **N3**, số seri: 357328080354891 lắp sim số điện thoại: 0969.623.383; 01 (một) điện thoại di động **S2** S9 +, số Inei: 352402092353491 lắp sim số điện thoại: 0392.225.950; 01 (một) ví da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân mang tên **Nguyễn Đình C2**; Số tiền 5.000.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền Chữ” nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại bị cáo **K**: 01 (một) chiếc điện thoại di động **N3** có số Imei 1: 254456, số Imei 2: 754455 lắp sim số điện thoại: 0339.553.251; số tiền 13.500.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền Khải” nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Truy thu buộc bị cáo **C** nộp lại 300.000 đồng tiền bán ma túy;
- Truy thu buộc bị cáo **B** nộp lại 200.000 đồng tiền bán ma túy;
- Truy thu buộc bị cáo **M** nộp lại 7.000.000 đồng tiền bán ma túy.

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

thành phố Bắc Giang;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố
Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh
Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ
liên quan;
- UBND xã Song Mai, TP Bắc Giang,
tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Danh Thắng, huyện Hiệp
Hoà, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Yên Trung, huyện Yên
Phong, tỉnh Bắc Ninh;
- UBND thị trấn Thắng, huyện Hiệp
Hoà, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Mai Trung, huyện Hiệp
Hoà, tỉnh Bắc Giang
- Lưu Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

Tạ Thị Thu Thủy

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2024/TB-TA

Bắc Giang, ngày 21 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các Điều 45, Điều 260 và Điều 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 210/2023/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang có sai sót, nhầm lẫn cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

Về nội dung tại dòng thứ 12 từ dưới lên trang thứ 01 của Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên đã ghi:

“...văn hóa 06/10: con ông: **Nguyễn Văn T...**”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

“...văn hóa 06/10: con ông: **Nguyễn Đăng T6...**”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Giang;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy